

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LAI VUNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 30-01-2023

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tô Thị Hoa Lư.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Phát Triển

Ông Nguyễn Chí Công.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Phát Đạt là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 30 tháng 01 năm 2022 tại phòng xử án trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 190/2022/TLST-HNGĐ, ngày 17/10/2022 “V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28 tháng 12 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 41/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 13/01/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị U, sinh năm 1985 (có mặt).

Địa chỉ: 93/6 ấp Thanh Tấn, xã L T, huyện L V, tỉnh Đ T.

Tạm trú: 60/4, ấp Long An, xã L T, huyện L V, tỉnh Đ T.

2. *Bị đơn:* Nguyễn Văn N, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: 93/6 ấp Thanh Tấn, xã L T, huyện L V, tỉnh Đ T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 27/6/2022, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn Nguyễn Thị U trình bày:

*** Về hôn nhân:**

Chị U và anh N tìm hiểu đi đến hôn nhân có đăng ký kết hôn vào ngày 03/8/2007 tại Ủy ban nhân dân xã L T, huyện L V, tỉnh Đ T. Sống chung thời

gian đầu hạnh phúc nhưng đến khoảng năm 2018 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng càng ngày không hợp nhau. Anh N thường xuyên uống rượu kiếm chuyện đập đồ đạc, đuổi mẹ con chị Út, vì thế cho nên chị N đã về cha mẹ ruột sống năm 2018 đến nay, từ đó đến nay anh N không có tới để khuyên chị U về hàn gắn, Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị U yêu cầu Tòa án cho được ly hôn với anh N.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Hoài D, sinh ngày 28/10/2006, Nguyễn Hoài A, sinh ngày 23/6/2013. Chị U đồng ý giao con Nguyễn Hoài D cho anh N nuôi còn chị U đồng ý nuôi Nguyễn Hoài A, không ai cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ khi ly hôn: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn Nguyễn Văn N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản bác về việc yêu cầu của nguyên đơn.

Tại tòa trình ngày 15/9/2022 Nguyễn Hoài D có ý kiến được sống với nh N, Nguyễn Hoài A có nguyện vọng được sống với chị Út.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyễn Thị U có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa Nguyễn Thị U với Nguyễn Văn N , đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”; thẩm quyền giải quyết Tòa án nhân dân huyện Lai Vung theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Nguyễn Văn N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt tại các phiên hòa giải, phiên họp và phiên tòa không có lý do. Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định, vì vậy Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Nguyễn Thị U và Nguyễn Văn N tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn ngày 03/8/2007 tại Ủy ban nhân dân xã L T, huyện L V, tỉnh Đ T, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình sống chung vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, hơn nữa anh N không lo lắng chăm sóc gì cho vợ, con vì thế chị U và anh N xa nhau từ năm 2018 cho đến nay, tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không thể tiếp tục kéo dài. Mặc dù, Tòa án đã kiên trì hòa giải nhưng chị U vẫn cương quyết ly hôn với anh N. Đối với anh N từ khi thụ lý vụ án

đến phiên tòa anh N vẫn vắng mặt và không có ý kiến phản bác gì đối với yêu cầu của chị U. Điều đó cho thấy anh N đã từ bỏ cuộc hôn nhân này với chị Út, không có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn của chị U và N là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được, cho nên việc chị U yêu cầu ly hôn là thỏa mãn các điều kiện theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, vì vậy Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị U là có căn cứ.

[3] Về con chung: Có một con chung tên Nguyễn Hoài D, sinh ngày 28/10/2006, Nguyễn Hoài A, sinh ngày 23/6/2013, Duy đang sống với anh N, Ân đang sống với chị Út, chị U đồng ý giao con chung Nguyễn Hoài D cho anh N được tiếp tục nuôi con và chị U yêu cầu được nuôi Nguyễn Hoài A. Việc giao con và yêu cầu này của chị U là có cơ sở bởi lẽ, yêu cầu này phù hợp với nguyện vọng của Hoài Duy và Hoài Ân và phù hợp với thực tế là từ khi xa nhau đến nay Hoài Duy sống với anh N, Hoài Ân sống với chị Út, cả hai con chung được anh N và chị U nuôi dưỡng chu đáo, để ổn định cho Hoài Ân, Hoài Duy, Hội đồng xét xử cần giao con chung Nguyễn Hoài D, sinh ngày 28/10/2006, cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng, Nguyễn Hoài A, sinh ngày 23/6/2013 cho chị U được tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng, anh N không có ý kiến phản bác về việc giao con chung và không cấp dưỡng của chị Út, hơn nữa chị U cũng không tự nguyện cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: chị U không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ khi ly hôn: Không có, không xem xét giải quyết.

Anh Nguyễn Văn N, kể từ khi thụ lý vụ án đến nay mặc dù Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định trong đó có việc thông báo cho anh N biết việc tình trạng tài sản chung và nợ khi ly hôn nhưng anh N cũng không có ý kiến hay phản bác yêu cầu của chị U về vấn đề tài sản chung và nợ nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Nguyễn Thị U phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân gia đình là 300.000 đồng, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3

Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: cho Nguyễn Thị U được ly hôn với Nguyễn Văn N.
2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Hoài D, sinh ngày 28/10/2006, cho anh N được tiếp tục nuôi dưỡng, giao con chung tên Nguyễn Hoài A, sinh ngày 23/6/2013 cho chị U được tiếp tục nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng, chị Út, và anh N không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Chị U và anh N cùng các thành viên gia đình không được cản trở nhau trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

3. Về án phí và tạm ứng án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị U phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân là 300.000 đồng. Được khấu trừ 300.000 đồng mà Nguyễn Thị U đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số: 0010747, ngày 9/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. (Nguyễn Thị U đã nộp xong).

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (30/01/2023). Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh DT;
- VKSND huyện LV;
- CCTHADS huyện LV;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

Tô Thị Hoa Lư